Chủ đề A – Bài 2

Câu 1: Để ngăn chặn các rủi ro hoặc hư hỏng không thể lường trước khi vận hành sản phẩm không đúng cách, tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị số thường có mục nào?

A. Hướng dẫn an toàn (Safety)

B. Lắp đặt thiết đặt (Setup)

C. Vận hành (Operation)

D. Bảo trì (Maintenance)

Câu 2: Mục nào trong tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị số giúp người dùng lắp ráp hoặc thiết đặt thông số ban đầu cho thiết bị?

A. Hướng dẫn an toàn (Safety)

B. Lắp đặt thiết đặt (Setup)

C. Vận hành (Operation)

D. Bảo trì (Maintenance)

Câu 3: Hướng dẫn sử dụng các tính năng chính của thiết bị được cung cấp trong mục nào của tài liệu hướng dẫn?

A. Hướng dẫn an toàn (Safety)

B. Lắp đặt thiết đặt (Setup)

C. Vận hành (Operation)

D. Bảo trì (Maintenance)

Câu 4: Tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị số cung cấp thông tin về việc vệ sinh và chăm sóc kỹ thuật nhằm đảm bảo sự hoạt động bình thường của thiết bị. Mục này có tên là gì?

A. Hướng dẫn an toàn (Safety)

B. Lắp đặt thiết đặt (Setup)

C. Vận hành (Operation)

LIVEWORKSHEETS

D. Bảo trì (Maintenance)

Câu 5: Mục nào trong tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị số cung cấp hướng dẫn chẩn đoán và xử lý sơ bộ các lỗi thường gặp của thiết bị?

A. Hướng dẫn an toàn (Safety)

B. Lắp đặt thiết đặt (Setup)

C. Xử lý sự cố (Troubleshooting)

D. Bảo trì (Maintenance)

Câu 6: Thông tin về nơi tìm thêm sự trợ giúp và chi tiết liên hệ thường được cung cấp trong mục nào của tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị số?

A. Vận hành (Operation)

B. Thông tin về nơi đề tìm thêm sự trợ giúp và chi tiết liên hệ (Support)

C. Bảo trì (Maintenance)

D. Xử lý sự cố (Troubleshooting)

Câu 7: Các thiết bị số thường có bộ phận xử lý dữ liệu số tương tự như của máy tính. Các thông số kỹ thuật quan trọng của bộ phận xử lý dữ liệu số bao gồm những gì?

A. Tốc độ bộ vi xử lý CPU, dung lượng lưu trữ

B. Tốc độ bộ vi xử lý CPU, dụng lượng RAM

C. Dung lượng lưu trữ, dung lượng RAM

D. Tốc độ bộ vi xử lý CPU, dụng lượng RAM, dung lượng lưu trữ

Câu 8: Điểm ảnh trong hình ảnh số hoá được tạo thành từ những gì?

A. Điểm ảnh thường

B. Điểm ảnh quang học

C. Pixel

D. Megapixel

LIVEWORKSHEETS

Câu 9: Độ phân giải hình ảnh được thể hiện bằng cặp hai số đếm điểm ảnh theo chiều ngang và theo chiều cao. Tích hai số này là gì?

A. Độ phân giải hình ảnh

B. Số điểm ảnh của hình ảnh

C. Megapixel

D. Pixel

Câu 10: Hình ảnh càng nhiều điểm ảnh thì càng có đặc điểm gì?

A. Màu sắc đa dạng

B. Rõ nét

C. Kích thước lớn

D. Độ phân giải cao

Câu 11: Hiện nay, kích thước màn hình điện thoại thông minh thường nằm trong khoảng nào?

A. 1 inch - 2 inch

B. 2 inch - 4 inch

C. 4 inch - 6.5 inch

D. 6.5 inch - 8 inch

Câu 12: Kích thước màn hình laptop thường nằm trong khoảng nào?

A. 8 inch - 10 inch

B. 10 inch - 13.3 inch

C. 13.3 inch - 15 inch

D. 13.3 inch - 17 inch

Câu 13: Kích thước màn hình ti vi thường nằm trong khoảng nào?

A. 24 inch - 30 inch

LIVEWORKSHEETS

B. 30 inch - 40 inch

C. 40 inch - 50 inch

D. 40 inch - 65 inch

Câu 14: Một triệu điểm ảnh tương đương với bao nhiêu megapixel?

A. 1 megapixel

B. 10 megapixel

C. 1,000 megapixel

D. 1,000,000 megapixel

Câu 15: Độ phân giải cao nhất của camera điện thoại thông minh hiện nay có thể lên đến bao nhiêu megapixel?

A. Vài megapixel

B. Khoảng 10 megapixel

C. Khoảng 20 megapixel

D. Vài chục megapixel

Câu 16: Các thiết bị số khác nhau có những thông số kỹ thuật quan trọng khác nhau tùy vào điều gì?

A. Chức năng của thiết bị

B. Kích thước của thiết bị

C. Thương hiệu của thiết bị

D. Màu sắc của thiết bị

Câu 17: Các thiết bị số để nhập dữ liệu hay xuất thông tin cho con người sử dụng như máy in, máy chiếu, màn hình, loa, micro, camera... có thông số kỹ thuật quan trọng khác nhau dựa trên điều gì?

A. Chức năng của thiết bị

B. Kích thước của thiết bị

LIVEWORKSHEETS

C. Thương hiệu của thiết bị

D. Màu sắc của thiết bị

Câu 18: Kích thước màn hình thường được thể hiện bằng gì?

A. Độ dài đường chéo

B. Chiều dài

C. Chiều rộng

D. Tỉ lệ giữa chiều dài và chiều rộng

•

Câu 19: Đơn vị đo kích thước màn hình là gì?

A. Centimeter (cm)

B. Inch (in)

C. Meter (m)

D. Millimeter (mm)

•

Câu 20: Tỷ lệ kích thước màn hình 16:9 có nghĩa là gì?

A. Chiều ngang là 9 đơn vị, chiều cao là 16 đơn vị

B. Chiều ngang là 16 đơn vị, chiều cao là 9 đơn vị

C. Chiều dài gấp 9 lần chiều rộng

D. Chiều rộng gấp 9 lần chiều dài

LIVEWORKSHEETS